BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN K

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1302 /BVK-KD
V/v đề nghị báo giá thuốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị kinh doanh thuốc.

Bệnh viện K trân trọng cảm ơn các đơn vị đã hợp tác với Bệnh viện trong thời gian qua.

Bệnh viện K đang xây dựng kế hoạch mua sắm thuốc lần 3 để cung ứng tại nhà thuốc Bệnh viện năm 2026 - 2027. Bệnh viện K kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp thuốc theo danh mục tại Phụ lục 1 gửi Báo giá theo mẫu tại Phụ lục 3 và hồ sơ theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 về Bệnh viện K để tổng hợp, lập kế hoạch mua sắm.

Các đơn vị khi nộp hồ sơ Báo giá đề nghị gửi kèm 01 USB có chứa các tài liệu sau đây:

1. File excel Bảng báo giá (mẫu theo Phụ lục 3).

2. File word Thông tin đơn vị cung ứng bao gồm các nội dung sau: tên công ty, địa chỉ, số điện thoại, fax, email, số tài khoản ngân hàng (đề nghị ghi rõ số tài khoản, tên ngân hàng, không ghi tắt), mã ngân hàng, mã số thuế, người đại diện pháp luật, chức vụ, giấy ủy quyền ký hợp đồng số.....ngày.....tháng..... năm..... (trường hợp được uỷ quyền).

Hồ sơ báo giá của Quý đơn vị đề nghị gửi về Bệnh viện K (địa chỉ: Số 30, Cầu Bươu, Thanh Liệt, Hà Nội) trước 17h00 ngày 08/05/2026 (trong giờ hành chính).

Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ: Ds Vũ Thị Trang (0879.164.999)

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Trang TTĐT Bệnh viện K;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN K

Lê Văn Quảng

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Công văn số 1302 /BVK-KD ngày 24 /04/2026 của Bệnh viện K)

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính
1	Abemaciclib	150mg	5	Viên	Uống	Viên
2	Abemaciclib	50mg	5	Viên	Uống	Viên
3	Abemaciclib	200mg	5	Viên	Uống	Viên
4	Aescin	50mg	4	Viên bao tan ở ruột	Uống	Viên
5	Alfacalcidol	1mcg	4	Viên nang	Uống	Viên
6	Almagat	1g/7,5ml	4	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Gói/ Túi
7	Ambroxol hydroclorid ; Clenbuterol hydroclorid	(7,5mg; 0,005mg)/5ml x 10ml	4	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/ Gói
8	Avelumab	200mg/10ml	1	Thuốc tiêm	Tiêm	Lọ/Ống
9	Bismuth subsalicylat	262,5mg	2	Viên	Uống	Viên
10	Bismuth subsalicylate	1,752% (w/v) x 15ml	2	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Gói/ Túi
11	Bromelain	100 FIP units	4	Viên bao tan ở ruột	Uống	Viên
12	Calci carbonat ; Vitamin D3	1250mg; 440IU	4	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/ Gói
13	Calci + Vitamin D3	600mg + 500IU	1	Viên	Uống	Viên
14	Calci gluconat monohydrat + Calci lactat pentahydrat	(500mg + 350mg)/10ml	4	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Gói/ Túi
15	Calci + Cholecalciferol	500mg; 250IU	2	Viên	Uống	Viên
16	Calci + Cholecalciferol	500mg; 400IU	2	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Gói/ Túi
17	Cam thảo; Bạch cập; Ô tặc cốt; Xuyên bối mẫu; Diên hồ sách; Đại hoàng	2000mg, 1200mg, 1200mg, 600mg, 600mg, 600mg	3	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/ Gói
18	Đảng sâm; Phục linh; Khiếm thực ; Hoài sơn; Bạch truật; Ý dĩ; Trần bì; Thần khúc; Trạch tả; Cam thảo	250 mg, 250mg, 250mg, 250mg, 250mg, 250mg, 250mg, 125mg, 125mg, 100mg	3	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/ Gói
19	Cao đặc hỗn hợp (tương đương với 241,2mg dược liệu bao gồm: Đại táo 107,2 mg, Hồ đào nhân 80,4 mg,Quế nhục 53,6 mg) 76mg; Bột hỗn hợp dược liệu (tương đương với 136,7 mg dược liệu bao gồm: Hải mã 80, 4 mg, Nhân sâm 53,6 mg, Lục phàn 2,7 mg) 100mg	76mg: 100mg	3	Viên	Uống	Viên

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính
20	Cao khô Carduus marianus (tương đương với Silymarin)	250mg (140mg)	5	Viên nang	Uống	Viên
21	Cao khô lá Bạch quả	120mg/3ml	3	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/ Gói
22	Cao Khô Lá Thường Xuân (Hederae Helicis Folii Extractum siccum)	50mg/5ml x 100ml	3	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Gói/ Túi
23	Cao khô quả kế sữa (tương đương Silymarin 167mg)	277,8 - 312,5mg	3	Viên	Uống	Viên
24	Cefprozil (dưới dạng cefprozil monohydrat)	250 mg	4	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Gói/ Túi
25	Cholin alfoscerat	600mg/7ml	4	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Gói/ Túi
26	Cholin alfoscerate	400mg	4	Viên nang	Uống	Viên
27	Choline alfoscerat	600mg	4	Viên nang	Uống	Viên
28	Clotrimazol	500mg	2	Viên đặt âm đạo	Đặt âm đạo	Viên
29	Clotrimazole + Hydrocortisone	10mg + 10mg	2	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Lọ/Tuýp/Ống
30	Clotrimazole; Metronidazole	100mg; 500mg	1	Viên đặt âm đạo	Đặt âm đạo	Viên
31	Coenzym Q10 (Ubidecarenon)	100mg	4	Viên nang	Uống	Viên
32	Danazol	100mg	2	Viên	Uống	Viên
33	Danazol	200mg	2	Viên	Uống	Viên
34	Dequalinium chloride	10mg	2	Viên đặt âm đạo	Đặt âm đạo	Viên
35	Desloratadine	5mg	1	Viên	Uống	Viên
36	Dexlansoprazol	30 mg	2	Viên bao tan ở ruột	Uống	Viên
37	Etoricoxib	30mg	1	Viên	Uống	Viên
38	Ezetimibe + Simvastatin	10mg + 40mg	1	Viên	Uống	Viên
39	Ferrous gluconate	300mg	1	Viên	Uống	Viên
40	Filgrastim	30 MU/0,5ml	BDG	Thuốc tiêm	Tiêm	Bơm tiêm/Ống
41	Gel nhôm hydroxyd khô + Magnesi hydroxyd + Simethicon	(220 mg + 195 mg + 25 mg)/ 10ml	4	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Gói/ Túi

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính
42	Chondroitin sulfate sodium; Glucosamine sulfate potassium chloride	300mg; 750mg	4	Viên	Uống	Viên
43	Glutathione	600mg	1	Thuốc tiêm	Tiêm	Lọ/Ống
44	Gôm guar bao + Magnesi hydroxyd + Nhôm oxyd hydrat hóa + Nhôm phosphat hydrat hóa	200mg + 500mg + 500mg + 300mg	1	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Gói/ Túi
45	Ibuprofen	400mg	1	Viên nang	Uống	Viên
46	Itoprid hydroclorid	50mg	2	Viên nang	Uống	Viên
47	Levocarnitine	1,5g/5ml	4	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/ Gói
48	Linezolid	600mg	2	Viên	Uống	Viên
49	L-Isoleucin; L-Leucin; L-Valin	952mg; 1904mg; 1144mg	2	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/ Gói
50	Mercaptopurine	50mg	4	Viên	Uống	Viên
51	Metronidazole; Nystatin	500mg; 100.000IU	4	Viên đặt âm đạo	Đặt âm đạo	Viên
52	Olaparib	100mg	BDG	Viên	Uống	Viên
53	Olaparib	150mg	BDG	Viên	Uống	Viên
54	Omeprazol; Natri bicarbonat	40mg; 1.100mg	2	Viên nang	Uống	Viên
55	Omeprazol; Natri bicarbonat	40mg; 1680mg	4	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Gói/ Túi
56	Magnesi hydroxid; Nhôm hydroxyd; Oxetacain	196mg; 582mg; 20mg	4	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Gói/ Túi
57	Paracetamol	500mg	1	Viên sủi	Uống	Viên
58	Phospholipid đậu nành	600mg	5	Viên nang	Uống	Viên
59	Piracetam	2400mg	4	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Gói/ Túi
60	Piracetam	2400mg	2	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Gói/ Túi
61	Piracetam; Vincamin	400mg; 20mg	4	Viên nang	Uống	Viên
62	Posaconazol	4,2g/ 105ml	4	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Gói/ Túi
63	Riboflavin; Thiamine mononitrate; Ursodeoxycholic acid	5mg, 10mg, 50mg	4	Viên nang	Uống	Viên

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính
64	Rupatadine	1mg/ml x 10ml	4	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Gói/ Túi
65	Saponin toàn phần chiết xuất từ lá Tam thất	100mg	4	Viên	Uống	Viên
66	Sắt (III) (dưới dạng Sắt protein succinylat)	40mg (800mg)	4	Viên	Uống	Viên
67	Elemental Iron	40mg/15ml	2	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Gói/ Túi
68	Sắt nguyên tố (dưới dạng Sắt (III) hydroxyd polymaltose)	50mg/10ml	4	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Gói/ Túi
69	Acid folic; Sắt nguyên tố (dưới dạng Sắt (III) hydroxid polymaltose)	500mcg; 50mg	4	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Gói/ Túi
70	Sắt protein succinylat	400mg/ 7,5ml	4	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chại/Lọ/Ống/Túi/ Gói
71	Simethicone; Dill Oil BP; Fennel Oil	(40mg; 0,005ml; 0,0007ml)/ml x 15ml	5	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Gói/ Túi
72	Sucralfate	1g/ 200ml	5	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Gói/ Túi
73	Temozolomid	50mg	4	Viên nang	Uống	Viên
74	Tenofovir alafenamide; Emtricitabine	25mg, 200mg	4	Viên	Uống	Viên
75	Tenoxicam	20mg	1	Viên nang	Uống	Viên
76	Venetoclax	100mg	5	Viên	Uống	Viên

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Công văn số 1302/BVK-KD ngày 24/04 /2026 của Bệnh viện K)

I. Đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại Bệnh viện K còn hiệu lực ít nhất trong vòng 04 tháng (tính tại thời điểm kết thúc đăng tải báo giá):

- Bản cam kết về tính chính xác của hồ sơ: Đối với hồ sơ pháp lý công ty và hồ sơ kỹ thuật của thuốc theo hướng dẫn tại mục 1, mục 2, phần II phụ lục này, công ty cam kết đảm bảo đúng như yêu cầu của hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu tại gói thầu đã trúng thầu tại Bệnh viện K. Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu có sự sai khác xảy ra.
- Bản cam kết về chất lượng và tiến độ cung ứng hàng hoá cho Nhà thuốc bệnh viện (theo mẫu Phụ lục 2.1)

II. Đối với các mặt hàng đã có kết quả trúng thầu tại CSYT công lập thông qua đấu thầu rộng rãi:

Công ty cung cấp các hồ sơ, tài liệu sau đây để chứng minh tính hợp lệ của đơn vị cung ứng và tính hợp lệ của thuốc báo giá:

1. Hồ sơ pháp lý Công ty:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao công chứng).
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược có phạm vi phù hợp với sản phẩm thuốc dự kiến cung ứng (bản sao công chứng).
- Chứng chỉ hành nghề của người chịu trách nhiệm chuyên môn (bản sao công chứng).
- Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn thực hành tốt phân phối thuốc (GDP) (bản sao công chứng).
- Bản cam kết về chất lượng và tiến độ cung ứng hàng hoá cho Nhà thuốc bệnh viện (theo mẫu Phụ lục 2.1)

2. Hồ sơ kỹ thuật của thuốc:

- Bản sao Giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc Giấy phép nhập khẩu còn hiệu lực. Trong trường hợp Giấy đăng ký lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu hết hiệu lực, đơn vị cung cấp thẻ kho hoặc cam kết số lượng có thể cung ứng trong thời gian thực hiện hợp đồng.

- Mẫu nhãn và hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam được Cục Quản lý dược đóng dấu hoặc cam kết của công ty sản xuất hoặc công ty đăng ký về việc Mẫu nhãn và hướng dẫn sử dụng phù hợp với hồ sơ đăng ký thuốc đã nộp tại Cục Quản lý Dược.
- Quyết định trúng thầu hoặc Hợp đồng trúng thầu tại CSYT công lập thông qua đấu thầu rộng rãi còn hiệu lực ít nhất trong vòng 04 tháng (tính tại thời điểm kết thúc đăng tải báo giá). Đối với các thuốc hiếm và thuốc mới theo quy định tại khoản 14 Điều 2 Luật dược chưa có kết quả trúng thầu, cung cấp ít nhất 01 hóa đơn bán hàng tại 01 cơ sở y tế công lập trong vòng 12 tháng. Trong trường hợp đơn vị không phải là nhà thầu trúng thầu theo Quyết định trúng thầu hoặc Hợp đồng đã cung cấp phải có Giấy ủy quyền sử dụng Quyết định hoặc Hợp đồng nêu trên.
- Các tài liệu do công ty cung cấp phải có dấu xác nhận của công ty, đồng thời chuẩn bị sẵn tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bệnh viện.

Phụ lục 2.1

CAM KẾT VỀ ĐIỀU KIỆN GIAO HÀNG CỦA CÔNG TY

Tên Công ty: ..... (ghi đầy đủ tên Công ty)

Kính gửi: Bệnh viện K

Sau khi nghiên cứu Công văn mời báo giá số..... ngày.....chúng tôi xin cam kết và thực hiện đầy đủ những nội dung theo yêu cầu của Công văn mời báo giá như sau:

1. Cung ứng kịp thời, chính xác, đủ về số lượng thuốc theo đơn đặt hàng của Bệnh viện, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng như đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng. Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về điều kiện giao hàng, tiến độ và phạm vi cung cấp nêu trong báo giá.

2. Trong trường hợp giấy phép lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu hay hồ sơ gia hạn hiệu lực số đăng ký của thuốc báo giá bị hết hạn trong thời hạn của hợp đồng, cam kết thuốc cung ứng cho Bệnh viện được sản xuất trước ngày hết hạn số đăng kí (đối với thuốc trong nước) hoặc nhập khẩu trước ngày hết hạn số đăng kí (đối với thuốc nước ngoài) , chúng tôi xin đảm bảo sẽ cung cấp văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc tuân thủ theo đúng các quy định.

3. Bảo quản và phân phối thuốc đảm bảo đúng yêu cầu quy định về GSP, GDP trong suốt quá trình vận chuyển tới kho của Bệnh viện tại 3 cơ sở: cơ sở Chính (Số 30 đường Cầu Bươu, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội); cơ sở 1 (số 43 Quán sứ, phường Cửa Nam, TP. Hà Nội), cơ sở 2 (ngõ 304, đường Tựu Liệt, P. Hoàng Liệt, TP. Hà Nội).

4. Về hạn sử dụng của thuốc tại thời điểm giao hàng: Hạn sử dụng còn lại của thuốc đã kí hợp đồng tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 năm trở lên, 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm. Trong trường hợp hạn sử dụng của thuốc không đáp ứng yêu cầu nêu trên, để bảo đảm có thuốc phục vụ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh, căn cứ tình hình thực tế, Giám đốc Bệnh viện quyết định hạn sử dụng còn lại của thuốc ký hợp đồng tính đến thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế và không được yêu cầu cao hơn quy định nêu trên nhưng phải đảm bảo còn hạn sử dụng khi sử dụng thuốc cho bệnh nhân.

5. Cam kết thu hồi thuốc vô điều kiện kể cả khi hợp đồng đã chấm dứt nếu thuốc đã giao không đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật như đã báo giá và ký hợp đồng, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Bệnh viện và hoàn trả đầy đủ thuốc đảm bảo chất lượng cho Bệnh viện, tương ứng với số lượng thuốc đã thu hồi hoặc mua lại toàn bộ số hàng còn lại theo giá bán ra của nhà thuốc Bệnh viện, đồng thời đền bù mọi chi phí có liên quan.

6. Cam kết về giá:

- Chúng tôi cam kết giá của thuốc do công ty chúng tôi cung cấp cho nhà thuốc bệnh viện là giá thống nhất trên toàn bộ thị trường và thấp hơn hoặc bằng giá đã kê khai/kê khai lại (nếu có) với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Trong trường hợp giảm giá kê khai bán buôn thì chúng tôi sẽ giảm giá bán theo, nếu không điều chỉnh giá bán thì chúng tôi xin đền toàn bộ phần chênh lệch của giá kê khai và giá bán cho Bệnh viện tính từ thời điểm điều chỉnh.

Đại diện hợp pháp của Công ty

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 3

(Kèm theo Công văn số 1302/BVK-KD ngày 24 tháng 04 năm 2026 của Bệnh viện K)

Tên đơn vị:
Mã số thuế:
Địa chỉ:
Người đại diện/liên hệ:
SĐT liên hệ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày …… tháng …… năm

Kính gửi: Bệnh viện K

Công ty …….. xin gửi danh mục và giá dự kiến, các sản phẩm Công ty tham gia báo giá cung ứng tại nhà thuốc bệnh viện, cụ thể như sau:

STT (theo danh mục mời báo giá)	Hoạt chất	Tên thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ - hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Số đăng ký/ Số GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Tên đơn vị báo giá	Hợp đồng tương tự/Quyết định trúng thầu				
														Số hợp đồng (nếu có)	Hiệu lực (Từ ngày … đến ngày …)	Cơ sở y tế trúng thầu	Hình thức đấu thầu	Đơn giá (có VAT, VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)

Báo giá này có hiệu lực đến ngày:…/……/20…...

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

1. Giá đã bao gồm thuế VAT, phí vận chuyển và các loại phí, lệ phí khác.

2. Đơn vị chịu trách nhiệm về các tài liệu làm căn cứ phân nhóm kĩ thuật theo quy định tại Thông tư quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập.

3. Báo giá phải có hiệu lực tối thiểu 06 tháng kể từ ngày ký.

4.. Đề nghị Quý công ty làm bảng báo giá theo đúng mẫu Bệnh viện đã gửi, không thêm bớt các cột để thuận tiện cho Bệnh viện tổng hợp.